

Ngân hàng Nhà nước Trung ương, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng chuyên doanh tỉnh, thành phố, đặc khu, khu vực chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước
Việt Nam
CAO SĨ KIÊM

QUYẾT ĐỊNH số 72 - NH/QĐ ngày 31-5-1989 về việc bổ sung Thẻ lệ tiền gửi tiết kiệm.

**TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 55-CT ngày 10-3-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ủy nhiệm Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước được quyết định công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm;

Căn cứ Quyết định số 71 - NH/QĐ ngày 29-5-1989 của Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước về quy định lãi suất tiền gửi tiết kiệm;

Xét tình hình thực tế sau một thời gian thi hành Thẻ lệ tiền gửi tiết kiệm.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Hủy bỏ Quyết định số 45-NH/QĐ ngày 18-4-1989 về sửa đổi và bổ sung điểm b thuộc điều 2 Thẻ lệ tiền gửi tiết kiệm.

Nay quy định thi hành như điểm b thuộc điều 2 Thẻ lệ tiền gửi tiết kiệm ban hành theo Quyết định số 30-NH/QĐ ngày 17-3-1989 của Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước :

b) Tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng có lãi là hình thức gửi gọn lấy gọn, lấy gốc và lãi một lần. Rút vốn trước hạn không được hưởng lãi.

Điều 2. — Quyết định này thi hành kể từ ngày 1-6 1989.

Điều 3. — Các Tổng giám đốc Ngân hàng chuyên doanh trung ương, Vụ trưởng, Viện trưởng, Trưởng ban ở Ngân hàng Nhà nước Trung ương, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng chuyên doanh tỉnh, thành phố, đặc khu, khu vực chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước
Việt Nam
CAO SĨ KIÊM

QUYẾT ĐỊNH số 73-NH/QĐ ngày 31-5-1989 về lãi suất tiền gửi và cho vay.

**TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 118-CT ngày 30-5-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về điều chỉnh lãi suất tiền gửi và cho vay của Ngân hàng Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay công bố mức lãi suất tiền gửi và cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau :

I. LÃI SUẤT TIỀN GỬI

1. Tiền gửi không kỳ hạn của các tổ chức, đơn vị kinh tế : 2,7%/tháng.
2. Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng của các tổ chức, đơn vị kinh tế : 4%/tháng.

II. LÃI SUẤT CHO VAY

1. Cho vay ưu đãi theo danh mục Nhà nước quy định :
 - a) Cho vay vốn cố định : 4,5%.

b) Cho vay vốn lưu động :

b.1 — Các tổ chức sản xuất lương thực, muối, cơ khí tàu biển, phát hành sách báo, sản xuất và phát hành phim, các tổ chức chuyên doanh muối, lương thực : 4,65%.

b.2 — Các tổ chức xây lắp, chuyên doanh phân bón, thuốc trừ sâu, các tổ chức kinh tế của vùng núi cao, hải đảo (ngoài các đối tượng quy định tại điểm b.1) : 4,80%

2. Cho vay các tổ chức sản xuất công, nông nghiệp, vận tải không thuộc diện ưu đãi :

a) Cho vay vốn cố định : 4,98%.

b) Cho vay vốn lưu động :

b.1 — Sản xuất nông nghiệp (trừ lương thực), lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp khai khoáng 5,10%.

b.2 — Sản xuất công nghiệp (trừ ưu đãi) vận tải, bưu điện 5,25%.

3. Cho vay các tổ chức dịch vụ, du lịch và lưu thông :

a) Cho vay vốn cố định : 5,31%.

b) Cho vay vốn lưu động :

b.1 — Kinh doanh vật tư, hàng hóa (bao gồm cả xuất nhập khẩu) : 5,40%.

b.2 — Du lịch, dịch vụ : 5,50%.

4. Nợ quá hạn : 8%/tháng.

Điều 2. — Mức lãi suất quy định lại điều chỉnh theo sự biến động của chỉ số giá cả thị trường xã hội.

Điều 3. — Mức lãi suất ban hành theo Quyết định này áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước cho các Ngân hàng chuyên doanh, Ngân hàng cổ phần, Quỹ tín dụng, hợp tác xã tín dụng, thi hành từ ngày 1-6-1989. Số dư tiền gửi, tiền vay cuối ngày 31-5-1989 chuyển sang cũng được áp dụng theo mức lãi suất quy định trong Quyết định này.

Biểu lãi suất ban hành theo Quyết định số 42-NH/QĐ ngày 15-4-1989 hết hiệu lực thi hành.

Điều 4. — Chánh văn phòng, Vụ trưởng, Viện trưởng, trưởng Ban trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương, Tổng giám đốc Ngân hàng chuyên doanh Trung ương, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng chuyên doanh tỉnh, thành phố, đặc khu, khu vực, Giám đốc Ngân hàng cổ phần, Chủ nhiệm hợp tác xã tín dụng, Quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước
Việt Nam
CAO SĨ KIÊM